



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



Thái độ của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh đối với đọc hiểu kỹ thuật số

Huỳnh Thu Liễu¹, Lê Trung Kiên^{1*}, Nguyễn Thị Mỹ Hoa¹, Trần Công Hậu¹, Phan Hoàng Ân¹,
Trang Phương Nhi¹

¹Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Lê Trung Kiên (email: ltkien@nctu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 20/8/2023

Ngày phản biện: 15/9/2023

Ngày duyệt đăng: 5/11/2023

Title: english major
students' attitudes toward
digital literacy

Keywords: attitude, digital
reading, english students

Từ khóa: đọc hiểu kỹ thuật
số, sinh viên tiếng Anh, thái
độ

ABSTRACT

In order to establish a foundation for future research on the effectiveness of digital education, a descriptive study was conducted to determine students' attitudes towards digital reading. The study aimed to investigate whether the process of digitalization and the use of technology in the classroom is positively received by students. A total of 115 students majoring in English Language at Nam Can Tho University participated in the study by completing a questionnaire assessing their attitudes towards digital reading. The data was analyzed using IBM SPSS software, including Descriptive Statistics, One-Sample T-Test, and Pair Sample T-Test. The results revealed that students had generally positive attitudes towards digital materials, with average levels of anxiety and difficulty. This discovery highlights the potential for the widespread application of digital media in teaching and learning, while also identifying existing obstacles in digital reading. This facilitates the development of effective strategies for teaching and learning supported by digital tools.

TÓM TẮT

Với mong muốn tạo dựng cơ sở cho các nghiên cứu trong tương lai về hiệu quả của Giáo dục Kỹ thuật số, nghiên cứu mô tả này được thực hiện nhằm xác định thái độ của sinh viên đối với việc đọc kỹ thuật số, tập trung vào việc điều tra xem quá trình số hóa và ứng dụng công nghệ trong lớp học có được sinh viên đón nhận tích cực hay không. Có 115 sinh viên chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh tại Đại học Nam Cần Thơ đã tham gia nghiên cứu thông qua bảng câu hỏi đánh giá thái độ của họ đối với việc đọc kỹ thuật số. Phần

mềm IBM SPSS được sử dụng phân tích thống kê mô tả, kiểm định T một mẫu và kiểm định T mẫu bắt cặp. Kết quả cho thấy, đối với các tài liệu kỹ thuật số, sinh viên có thái độ tích cực, cùng với đánh giá các yếu tố lo lắng và khó khăn ở mức trung bình. Phát hiện này mở ra tiềm năng ứng dụng rộng rãi các phương tiện kỹ thuật số trong việc dạy và học. Đồng thời, khám phá ra những trở ngại hiện có trong việc đọc kỹ thuật số, tạo điều kiện phát triển các chiến lược hiệu quả cho việc dạy và học có sự hỗ trợ của các công cụ kỹ thuật số.

1. GIỚI THIỆU

1.1 Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, việc học ngoại ngữ đã trở thành một hiện tượng toàn cầu thu hút được sự quan tâm đáng kể của giới học thuật; Trong đó, mối quan tâm chung nhất của các nhà nghiên cứu, người hướng dẫn và người học là việc tìm tòi các phương pháp thúc đẩy việc tiếp thu kiến thức hiệu quả, năng suất và tối ưu. Để đáp ứng mong muốn đó, công nghệ được nhắm đến như một công cụ tiềm năng hỗ trợ giáo dục, điều này dẫn đến xu hướng sử dụng các phương pháp kỹ thuật số trong học tập và giảng dạy. Nhờ vậy, những phát hiện liên quan đến dạy và học kỹ thuật số ngày càng được công nhận sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục nói chung, do sự phổ biến của công nghệ và tầm quan trọng của ngoại ngữ trong xã hội toàn cầu hóa của chúng ta ngày nay. Sự thay đổi này đang định hình phương pháp sư phạm và tư duy tiếp thu trong giáo dục, đặc biệt là liên quan đến giảng dạy ngoại ngữ. Sự thay đổi đáng kể về môi trường học tập, phương pháp, động lực và thái độ của sinh viên, sự chuyển đổi này không chỉ tác động đến việc sửa đổi phong cách học tập của người học ngoại ngữ.

Trong số các yếu tố nêu trên, thái độ được xem là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của người học. Một thái độ quyết đoán có

thể định hướng hành vi và thái độ học tập tích cực có thể thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các chiến lược học tập (Maio & Haddock, 2009) [14]. Mặc dù có thể nhận thấy rõ sự có mặt nhanh chóng của công nghệ trong giáo dục, tuy nhiên, có ít nghiên cứu điều tra thái độ của người học đối với quá trình chuyển đổi quan trọng này. Nhận ra sự thiếu hụt đó, nghiên cứu hiện tại đã hướng đến điều tra thái độ của người học đối với việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật số trong kỹ năng đọc – vì đây là là một đầu vào quan trọng và là cách tiếp cận ngoại ngữ phổ biến đối với hầu hết người học tiếng Anh.

1.2 Đọc hiểu thông qua phương tiện truyền thông kỹ thuật số

Hiểu những gì được đọc là mục đích của việc đọc; đọc hiểu là một quá trình mang nhiều giai đoạn và phức tạp (Fletcher, 2006) [8]. Để người học thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày, đọc hiểu là một khả năng cần phải thành thạo. Đọc hiểu được National Reading Panel (2000) [16] mô tả là "quá trình hiểu đi đôi với việc diễn giải ngữ nghĩa thông qua sự tương tác và đọc ngôn ngữ viết". Tuy nhiên, khả năng hiểu không được xác định bằng cách chỉ đọc các từ được in trong văn bản. Như Pressley và Afflerbach (2012) [7] đã nói, khi trẻ có thể đọc các từ in nhưng không thể hiểu ý

nghĩa của chúng thì không thể xem là đọc hiểu. Một số học sinh có thể hiểu ý nghĩa của văn bản khi đọc to nhưng có thể phải vật lộn với việc đọc thầm. Việc này không phải là một dấu hiệu của việc đọc hiểu. Nghiên cứu được thực hiện bởi Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA) (2020) [3] cũng đã chỉ ra rằng việc đọc hiểu có liên quan đáng kể đến khả năng giải mã các từ được in. Nghiên cứu cho thấy những sinh viên gặp khó khăn trong việc giải mã các từ in có khả năng có trình độ đọc hiểu thấp hơn so với những người không hiểu. Học sinh cần cả kỹ năng giải mã và hiểu để thể hiện khả năng đọc hiểu. Trong khi kỹ năng hiểu là khả năng hiểu và giải thích ý nghĩa của văn bản, kỹ năng giải mã là khả năng đọc chính xác các từ in. Học sinh có thể chứng minh khả năng đọc hiểu khi họ tương tác với hai kỹ năng.

Trong một nghiên cứu của Delgado và Salmerón (2021) [5], 140 người tham gia được chỉ định ngẫu nhiên vào một trong bốn điều kiện thử nghiệm, cho họ đọc dưới dạng bản in hoặc trên màn hình, có hoặc không có áp lực thời gian để đo lường khả năng hiểu văn bản, “tâm trí lang thang” và “hiệu chuẩn thuộc về siêu nhận thức”. Trong điều kiện không bị hạn chế về thời gian, bất kể loại phương tiện nào, người tham gia cho thấy mức độ tập trung và đọc hiểu ngang nhau. Tuy nhiên, kết quả cho thấy người đọc sách in ít nghĩ về những điều gây căng thẳng hơn so với người đọc trên màn hình, cho thấy khả năng thích ứng với nhiệm vụ cao hơn trong việc đọc bản in. Theo đó, những người đọc trên màn hình dưới áp lực thời gian hiểu ít hơn ba nhóm còn lại, và không có sự khác biệt trong hiệu chuẩn siêu nhận thức của người đọc.

Sự khác biệt trong việc sử dụng phương tiện truyền thông trong giáo dục đã thu hút sự chú ý của các học giả, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo

dục. Khi phương pháp giảng dạy và học tập tiếp tục phát triển, việc sử dụng phương tiện truyền thông ngày càng trở nên phổ biến, cùng với đó, nhiều nhà giáo dục kết hợp các công nghệ kỹ thuật số vào thực tiễn giảng dạy của họ. Điều này có liên hệ đặc biệt đến việc học ngoại ngữ, trong đó kỹ năng đọc là thành phần cốt lõi của việc tiếp thu ngôn ngữ, với trí nhớ và từ vựng là lĩnh vực điều tra chính. Theo một nghiên cứu của Waring và Takaki (2003) [21], từ vựng là một yếu tố quan trọng trong việc đọc hiểu, trong khi một nghiên cứu của Koda (2005) [11] cho thấy trí nhớ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng đọc. Như vậy, việc sử dụng phương tiện truyền thông trong học ngoại ngữ đã trở thành một lĩnh vực quan tâm của các học giả trong lĩnh vực giáo dục.

1.3 Các nghiên cứu liên quan

Trong những năm gần đây, các tài liệu kỹ thuật số đang trở nên phổ biến, xu hướng này tỷ lệ nghịch với sự hiện diện của các tài liệu dạng in (Reinking, 1998) [18]. Theo đó, một số cuộc khảo sát về tài liệu số cũng được thực hiện trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ để điều tra về nhiều khía cạnh, bao gồm tác động của tài liệu số đến thành tích của học sinh, động lực học tập và hiệu quả học tập; trong số đó, việc điều tra thái độ của sinh viên đối với các phương tiện kỹ thuật số trong việc học ngoại ngữ cũng là một chủ đề đáng chú ý (Allen, 2013) [2]. "Thái độ đối với việc đọc là đánh giá tổng thể của cá nhân về việc đọc, bao gồm niềm tin về tầm quan trọng, sự hứng thú và tính hữu ích của nó", như Guthrie và VonSecker (2000) [9] đã nêu, và "nó là sự tổng hợp của niềm tin, cảm xúc và ý định hành vi của cá nhân đối với việc đọc" (Wang & Guthrie, 2004) [20]. Dựa trên một mô hình nghiên cứu được sử dụng để điều tra mối quan hệ giữa thái độ đọc, khả năng đọc và thành tích

đọc của 76 học sinh tiểu học Mỹ, Martinez và các cộng sự (2008) [15] nhận thấy rằng cả khả năng đọc và thái độ đọc đều dự đoán đáng kể thành tích đọc.

Một nghiên cứu điều tra thái độ đối với việc đọc sách in và sách điện tử của 562 học sinh từ 10 trường trung học cho thấy mặc dù đọc sách in vẫn là xu hướng ưa thích, tuy nhiên, những người có thái độ tích cực đối với việc đọc sách in cùng một lúc cũng có thái độ tích cực đối với việc đọc kỹ thuật số (Alieto, 2020) [1]. Phát hiện này trái ngược với các nghiên cứu trước đây cho thấy những người có xu hướng đọc văn bản in ít có khả năng đọc bằng hình thức kỹ thuật số (Anuradha & Usha, 2006; Kretzschmar, et al., 2013) [4],[13]. Nghiên cứu cũng thảo luận về sự cần thiết phải cân bằng giữa đọc in và đọc kỹ thuật số dựa trên lợi ích của từng loại, bởi vì độc giả sẽ chọn định dạng đáp ứng nhu cầu của họ. Nhận thấy sự tương đồng trong mục đích của nghiên cứu, người thực hiện nghiên cứu này đã áp dụng bảng câu hỏi sửa đổi của Divya và Mohamed Haneefa để điều tra thái độ của sinh viên đối với việc đọc kỹ thuật số.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1 Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này được xây dựng như một nghiên cứu mô tả: thu thập và phân tích dữ liệu định lượng bằng Bảng câu hỏi. Thay vì dùng các

biến kiểm soát và nghiên cứu mối quan hệ nguyên nhân và kết quả giữa chúng như các thiết kế nghiên cứu thực nghiệm, các nghiên cứu mô tả tập trung vào việc thu thập và phân tích dữ liệu từ các cuộc khảo sát, phỏng vấn, quan sát hoặc các nguồn khác, những điều đó cho phép các nhà nghiên cứu mô tả chính xác thái độ, hành vi, niềm tin hoặc kinh nghiệm của người tham gia. Trong khi đó, theo Kothari (2004) [12], một thiết kế nghiên cứu định lượng phù hợp cho các cuộc điều tra mà mục tiêu chính là đo lường hoặc định lượng một hiện tượng hoặc nhiều hiện tượng. Phương pháp này sử dụng dữ liệu số, phân tích thống kê và bằng chứng thực nghiệm để điều tra mối quan hệ giữa các biến và đưa ra kết luận dựa trên các quan sát khách quan. Trong nghiên cứu này, bằng việc đánh giá thái độ đối với việc đọc dựa trên bản in và điện tử như một biến, khung phương pháp này được coi là phù hợp do khả năng cung cấp các phép đo chính xác của các cấu trúc phức tạp trong khi giảm thiểu sự thiên vị và chủ quan trong việc thu thập dữ liệu.

2.2 Người tham gia

Trong nghiên cứu này, số lượng người tham gia (tính toán ra dựa trên quần thể 328 sinh viên) là 115 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ và có độ tuổi từ 18 đến 22 tuổi.

Bảng 1. Số lượng và giới tính người tham gia

	N	%
Số người tham gia	115	100
Nam	24	20,9
Nữ	91	79,1

2.3 Thu thập dữ liệu

Các nhà nghiên cứu đã sử dụng lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản trong nghiên cứu này. Như

Kerlinger (2006) [10] đã nêu, lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản là một kỹ thuật chọn mẫu từ quần thể mà mỗi người trong quần thể có cơ hội

được chọn như nhau. Bằng cách đảm bảo rằng mọi người trong dân số đều có cơ hội bình đẳng được tham gia vào nghiên cứu, hình thức chiến lược lấy mẫu này được sử dụng để loại bỏ sự thiên vị và cải thiện khả năng khái quát hóa.

Để tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản, nhà nghiên cứu đã gửi ngẫu nhiên bảng câu hỏi cho 115 sinh viên ngành tiếng Anh đang theo học tại Trường Đại học Nam Cần Thơ. Những người tham gia đã trả lời các mục trong phần này bằng cách sử dụng Thang đo Likert 5 mức độ, với các câu trả lời từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

2.4 Phương tiện

Theo Brown trong Dorney (2003) [7], bảng câu hỏi là bất kỳ công cụ bằng văn bản nào cung cấp cho người trả lời một chuỗi các câu hỏi hoặc khai báo, nhắc họ trả lời bằng cách viết ra câu trả lời của họ hoặc chọn từ các tùy chọn có sẵn. Khảo sát về thái độ đọc dành cho người lớn (ASRA), được tạo ra bởi Smith (1991) [19], đã được điều chỉnh để phù hợp với mục tiêu và đối tượng của nghiên cứu và được sử dụng để đánh giá thái độ về việc đọc trong đọc kỹ thuật số của Haneefa và Divya. Thái độ đọc bảng câu hỏi của Smith ban đầu bao gồm 29 câu được chia thành ba phần (11 biến quan sát về hoạt động đọc, 9 biến về thích đọc và 9 biến về lo lắng và khó đọc). Bảng câu hỏi do Haneefa và Divya biên soạn bao gồm 24 biến liên quan đến sự thích thú, lo lắng, phương thức và khó khăn mà họ cảm thấy khi đọc kỹ thuật số mà học sinh cảm thấy khi đọc kỹ thuật số. Tuy nhiên, cả hai bảng câu hỏi đều có cả nhận xét tiêu cực và tích cực trong mỗi nhóm, khiến cả người tham gia và nhà nghiên cứu khó đánh giá và phân tích. Để làm cho bảng câu hỏi rõ ràng và dễ hiểu mang tới hiệu quả tối đa cho khảo sát, nhà nghiên cứu đã sắp xếp lại bảng hỏi của Haneefa và Divya, và

loại bỏ các biến có tuyên bố trùng lặp. Các nhà nghiên cứu hiện tại đã tạo ra hai nhóm, trong đó ba nhóm nói trên đã được kết hợp trong: thái độ bao gồm cập nhật thông tin và tận hưởng (11 biến), lo lắng và khó khăn (8 biến).

Nhóm 1: Bảng câu hỏi của Haneefa và Divya có 7 biến quan sát đã được thêm vào 5 biến và loại bỏ 1 để trở thành một nhóm gồm 11 biến. 5 biến được thêm vào được lấy từ nhóm 3 và 1 biến (tôi thích đọc kỹ thuật số bất cứ khi nào tôi có thời gian rảnh) đã bị xóa do bị trùng lặp với biến quan sát trước đó (tôi dành nhiều thời gian rảnh rỗi để đọc kỹ thuật số). Để làm phù hợp với mục đích nghiên cứu, bảng câu hỏi cũng đã được điều chỉnh để tập trung vào đọc kỹ thuật số. Nhóm 2: nhóm này được thêm một biến (Đọc kỹ thuật số cần rất nhiều công sức).

2.5 Phân tích dữ liệu

Để đảm bảo rằng người trả lời hiểu đầy đủ các mục, một bảng câu hỏi thí điểm đã được gửi cho một nhóm nhỏ người tham gia. Trước khi tiến hành phân tích mô tả, để xác nhận tính hợp lệ và độ tin cậy của các mục câu hỏi - phần mềm dùng kiểm tra tính hợp lệ và độ tin cậy của số liệu nghiên cứu là IBM SPSS phiên bản 20 đã được sử dụng. Các nghiên cứu viên đã gửi bảng hỏi cho 2 nhà nghiên cứu khác và 3 bạn sinh viên để đảm bảo tính rõ ràng và logic của các câu hỏi. Tiếp đến bảng hỏi được gửi thử đến 50 người tham gia. Giá trị Cronbach Alpha là 0,959 cho thấy bảng câu hỏi được thu thập đã đạt đến mức độ tin cậy cao. Sau khi độ tin cậy được đảm bảo, bảng câu hỏi đã được gửi đến 115 người tham gia để thu thập dữ liệu chính thức. Bảng hỏi được dịch sang tiếng Việt để đảm bảo người tham gia hiểu đầy đủ và rõ ràng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nhóm đầu tiên tập trung vào Cập nhật thông tin và thường thức việc đọc kỹ thuật số.

Nhóm thứ hai bao gồm Lo lắng và Khó khăn trong việc đọc kỹ thuật số.

Các phát hiện có được thông qua việc sử dụng phần mềm SPSS. Điểm trung bình của khoảng được hiểu như sau:

- 1,00-1,80: Hoàn toàn không đồng ý
- 1,81-2,60: Không đồng ý
- 2,61-3,40: Trung lập

- 3,41-4,20: Đồng ý
- 4,21-5,00: Rất đồng ý.

3.1 Nhóm 1: Cập nhật thông tin và thưởng thức

Dữ liệu nhóm đầu tiên thông qua Phân tích mô tả (Bảng 2). Dựa trên khoảng cách đo giá trị trung bình, có thể thấy rằng những người tham gia có thái độ tích cực đối với Đọc kỹ thuật số (M=3,79).

Bảng 2. Mô tả thái độ của sinh viên đối với việc đọc kỹ thuật số

	Tổng	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Thái độ đọc kỹ thuật số	115	1,00	5,00	3,79	0,70
Tổng hợp lệ	115				

Như có thể thấy trong Bảng 3, những người tham gia đánh giá rất cao khả năng đọc kỹ thuật số trong việc cung cấp thông tin 24/7, thể hiện qua điểm trung bình vượt trội (M = 4,03, SD = 0,85). Tuy nhiên, tiêu chí cung cấp thông tin được xếp hạng cuối cùng trong việc đọc kỹ

thuật số; tuy nhiên, điểm trung bình của câu này vẫn rất cao (M = 3,99, SD = 0,77). Nói chung, rõ ràng là những người tham gia đánh giá cao khả năng cập nhật thông tin thông qua đọc kỹ thuật số khi xem xét lợi ích của việc cập nhật thông tin.

Bảng 3. Thái độ của người học đối với việc cập nhật thông tin trong việc đọc kỹ thuật số

	Tổng	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
B.1.6 Đọc kỹ thuật số giúp tôi có thông tin 24/7	115	4,03	0,85
B.1.5 Đọc kỹ thuật số giúp tôi cập nhật thông tin mới nhất	115	4,01	0,80
B.1.10 Đọc kỹ thuật số cung cấp thông tin hữu ích	115	3,99	0,77

Đối với mức độ thưởng thức, theo điểm trung bình thể hiện (Bảng 4), người trả lời đánh giá cao tính hữu ích của tài liệu kỹ thuật số trong việc tiếp thu kiến thức mới (M = 3,94, SD = 0,76).

Mặc dù điểm trung bình được xếp sau cùng, lượt là 3,58 (SD = 0,98) và 3,57 (SD = 0,94), những người được hỏi vẫn có thái độ tích cực đối với việc mang lại sự thư giãn và dành thời gian cho việc đọc kỹ thuật số.

Bảng 4. Thống kê sự thưởng thức trong việc đọc kỹ thuật số

Thống kê mô tả	Tổng	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Tính chung	115	1,00	5,00	3,71	0,73
B.1.7 Đọc kỹ thuật số là một trong những cách tốt nhất để tôi học những điều mới.	115	1,00	5,00	3,94	0,76
B.1.2 Tôi thực sự hào hứng với những gì tôi đã đọc dưới dạng kỹ thuật số.	115	1,00	5,00	3,84	0,81
B.1.9 Tôi sẽ dễ hiểu những gì tôi đọc dưới dạng kỹ thuật số hơn nếu có hình ảnh, âm thanh và video.	115	1,00	5,00	3,72	0,89
B.1.4 Tôi đọc rất nhiều sách kỹ thuật số khi ở nhà.	115	1,00	5,00	3,68	0,88
B.1.11 Đọc kỹ thuật số mang lại cho tôi nhiều niềm vui hơn.	115	1,00	5,00	3,67	0,86
B.1.1 Đọc kỹ thuật số là một trong những hoạt động yêu thích của tôi.	115	1,00	5,00	3,64	0,92
B.1.8 Đọc kỹ thuật số giúp tôi thư giãn.	115	1,00	5,00	3,58	0,98
B.1.3 Tôi dành nhiều thời gian cho việc đọc kỹ thuật số.	115	1,00	5,00	3,57	.937

3.2 Nhóm 2: Lo lắng và khó khăn

Những người tham gia cũng đánh giá rằng mức độ thách thức trong việc đọc kỹ thuật số là trung bình (M = 3,03, SD = 0,80) (Bảng 5). Họ cho biết khía cạnh thách thức nhất của việc đọc kỹ thuật số là cảm giác mệt mỏi mà nó mang lại

(M = 3,23, SD = 0,99) và việc đọc kỹ thuật số cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng (M = 3,20, SD = 1,09) (Bảng 6). Quan điểm cần hỗ trợ khi đọc kỹ thuật số (M = 2,92, SD = 1,08) và khó chịu do đọc kỹ thuật số (M = 2,76, SD = 1,01) được đánh giá thấp nhất.

Bảng 5. Thống kê mô tả về sự lo lắng và khó khăn khi đọc kỹ thuật số

Thống kê mô tả	Tổng	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Lo lắng và khó khăn	115	1,00	5,00	3,03	0,80

Bảng 6. Thống kê mô tả về sự lo lắng và khó khăn khi đọc kỹ thuật số

Thống kê mô tả	Tổng	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
B.2.5 Khi tôi đọc kỹ thuật số, tôi thường cảm thấy mệt và buồn ngủ.	115	1,00	5,00	3,23	0,99
B.2.8 Đọc kỹ thuật số tốn nhiều công sức.	115	1,00	5,00	3,20	1,09
B.2.2 Tôi không thể đọc kỹ thuật số tốt.	115	1,00	5,00	3,12	1,04
B.2.1 Khi đọc kỹ thuật số tôi thường quên nhanh mặc dù vừa đọc.	115	1,00	5,00	3,06	0,95
B.2.6 Tôi cảm thấy lo lắng khi có nhiều bài đọc kỹ thuật số cần phải đọc.	115	1,00	5,00	3,00	1,04
B.2.4 Gặp những từ không quen thuộc là phần khó nhất khi đọc kỹ thuật số.	115	1,00	5,00	2,94	1,05
B.2.7 Tôi cần rất nhiều trợ giúp về việc đọc kỹ thuật số.	115	1,00	5,00	2,92	1,08
B.2.3 Tôi cảm thấy khó chịu khi nghĩ đến việc phải đọc kỹ thuật số.	115	1,00	5,00	2,76	1,01
Tổng hợp lệ	115				

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Theo nghiên cứu được thực hiện như trên với đối tượng tham gia là sinh viên ngành ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Nam Cần Thơ, việc đọc kỹ thuật số được những người tham gia đánh giá cao. Kết quả của nghiên cứu cho thấy những người tham gia đánh giá cao khả năng tiếp cận thông tin kỹ thuật số, thể hiện sự thuận tiện và dễ dàng khi truy cập nhiều loại tài nguyên trực tuyến. Nhưng khi đọc sách kỹ thuật số, độc giả có xu hướng mệt mỏi nhanh. Ngoài ra, từ phát hiện kể trên có thể thấy sự hứa hẹn trong giáo dục, cụ thể là giáo dục

ngoại ngữ qua thiết bị số, mặc dù lo lắng và khó khăn nhưng việc đọc sách không làm học sinh khó chịu đáng kể (quan điểm này có ý nghĩa thấp nhất). Nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đã được người tham gia đón nhận tích cực, đặc biệt là về tính thuận tiện, tính sẵn có và tính thông tin của thông tin. Tuy nhiên, dựa trên đánh giá đã nêu, giáo viên có thể hạn chế thời gian sử dụng công nghệ trong dạy kỹ năng đọc, kết hợp sử dụng sách điện tử với phương tiện truyền thống để giảm mệt mỏi, căng thẳng do tiếp xúc với màn hình quá lâu. Chọn các hoạt động phù hợp

để sử dụng thiết bị kỹ thuật số làm công cụ hỗ trợ, chẳng hạn như tra cứu. Qua đó tận dụng

được những ưu điểm của cách đọc số và giảm thiểu những nhược điểm của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Alieto, E. O., dela Rama–Morgia, J., & Rama–Ricohermoso, C. D. (2020). Print-based Texts or Digitized Versions: An Attitudinal Investigation among Senior High School Students Abee M. Eijansantos. *Asian EFL Journal*, 27(2.3), 308-339.
- [2] Allen, D. D. (2013). *Attitudes toward digital and print-based reading: A survey for elementary students*. University of South Florida.
- [3] American Psychological Association (n.d.) (2020). *Reading and decoding: The link between word recognition and reading comprehension*. Retrieved September 29, 2021, from <https://www.apa.org/research/action/reading-decoding>.
- [4] Anuradha, K. T., & Usha, H. S. (2006). Use of e-books in an academic and research environment: a case study from the Indian Institute of Science. *Program*, 40(1), 48-62.
- [5] Delgado, P., & Salmerón, L. (2021). The inattentive on-screen reading: Reading medium affects attention and reading comprehension under time pressure. *Learning and instruction*, 71, 101396.
- [6] Divya, P., & Mohamed Haneefa, K. (2020). Students' attitude toward digital reading. A study in universities in Kerala, India. *Library Philosophy and Practice*, 4387, 1-16.
- [7] Dorney, Z. (2003). Questionnaires in second language research. *University of Nottingham: London*.
- [8] Fletcher, J. M. (2006). Measuring reading comprehension. *Scientific Studies of Reading*, 10(3), 323- 330. https://doi.org/10.1207/s1532799xssr1003_7
- [9] Guthrie, J. T., Wigfield, A., & VonSecker, C. (2000). Effects of integrated instruction on motivation and strategy use in reading. *Journal of Educational Psychology*, 92(2), 331–341.
- [10] Kerlinger. (2006). *Asas-asas penelitian behavior*. Edisi 3, cetakan 7. Yogyakarta: Gadjah Mada University Press.
- [11] Koda, K. (2005). *Insights into second language reading: A cross-linguistic approach*. Cambridge University Press.
- [12] Kothari, C. R. (2004). *Research methodology: Methods and techniques*. New Age International.
- [13] Kretzschmar, F., Pleimling, D., Hosemann, J., Füssel, S., Bornkessel-Schlesewsky, I., & Schlewsky, M. (2013). Subjective impressions do not mirror online reading effort: Concurrent EEG-eyetracking evidence from the reading of books and digital media. *PLoS one*, 8(2), e56178.
- [14] Maio, G., & Haddock, G. G. (2009). *Psychology of attitudes and attitude change*. London, England: Sage.
- [15] Martinez, R. S., Aricak, O. T., & Jewell, J. (2008). Influence of reading attitude on reading achievement: A test of the temporal-interaction model. *Psychology in the Schools*, 45(10), 1010-1023.

- [16] National Institute of Child Health and Human Development. (2000). *Report of the National Reading Panel*. Retrieved from <https://www.nichd.nih.gov/sites/default/files/publications/pubs/nrp/Documents/report.pdf>
- [17] Pressley, M., & Afflerbach, P. (2012). *Verbal protocols of reading: The nature of constructively responsive reading*. Routledge.
- [18] Reinking, D., McKenna, M. C., Labbo, L. D., & Kieffer, R. D. (Eds.). (1998). *Handbook of literacy and technology: Transformations in a post-typographic world*. Routledge.
- [19] Smith, M. C. (1991). An investigation of the construct validity of the adult survey of reading attitude. In *annual meeting of the College Reading Association, Alexandria, VA*. Available at: www.cedu.niu.edu/smith/papers/asra.htm.
- [20] Wang, J. H. Y., & Guthrie, J. T. (2004). Modeling the effects of intrinsic motivation, extrinsic motivation, amount of reading, and past reading achievement on text comprehension between US and Chinese students. *Reading research quarterly*, 39(2), 162-186.
- [21] Waring, R., & Takaki, M. (2003). At what rate do learners learn and retain new vocabulary from reading a graded reader?